

Số: 205/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống  
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Kiều Thị Tới - Cư trú tại xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 131.057.011 đồng.

*(Bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm mười một đồng).*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*



2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Kiều Thị Tới có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**

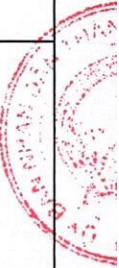


**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1**

**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

(Kèm theo Quyết định số : 2905/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

<b>I</b>	<b>Tên các hạng mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (đ)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
<b>16</b>	<b>Hộ bà Kiều Thị Tới</b>					
	Địa chỉ: Xã Không Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					<b>131.057.011</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>16.035.800</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	433,4			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	433,4	37.000	16.035.800	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 02 thửa đất tổng diện tích thu hồi 433,4m<sup>2</sup> gồm các thửa đất 1100, 1101; tờ BĐ số 128 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi thuộc một phần thửa đất 593, 594, 595, 707, tờ bản đồ 128 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BX792481 do UBND TP Lai Châu cấp ngày 15/6/2017 mang tên ông Nguyễn Đức Thành. Ngày 10/1/2020 ông Nguyễn Đức Thành đã chuyển nhượng QSD đất cho bà Kiều Thị Tới theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số chứng thực: 10, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Lai Châu lập ngày 10/1/2020.</p> <p>+ Phần diện tích đất chồng lấn thửa đất 298, tờ bản đồ 128 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất SON do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do bà Kiều Thị Tới quản lý, sử dụng, có nguồn gốc như giấy chứng nhận đã cấp. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số, đo đạc, quy chủ chưa chính xác và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</p> <p>Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p>					
<b>b</b>	<p><b>Tài sản vật kiến trúc:</b> Toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Đức Thành tạo lập năm 2017. Đến ngày 10/1/2020 ông Nguyễn Đức Thành đã chuyển nhượng QSD đất và tài sản cho bà Kiều Thị Tới theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số chứng thực: 10, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Lai Châu lập ngày 10/1/2022. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án</p>				<b>41.290.011</b>	
	<p><i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i></p>					
1	Lưới B40 (1,2*80)	m <sup>2</sup>	96,0	50.050	4.804.800	
2	Kè đá xây (1,7*0,5*68)	m <sup>3</sup>	57,8	196.350	11.349.030	





<b>I</b>	<b>Tên các hạng mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (đ)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
3	Ống thép mạ kẽm Φ 60	m	60,0	57.000	3.420.000	
4	Cọc BTCT (0,1*0,1*2)*6 cọc	m <sup>3</sup>	0,1	696.850	83.622	
5	Kè đá xây (2,1*0,6*80) kè suối	m <sup>3</sup>	100,8	196.350	19.792.080	
6	Bóc tách đập nước				-	
	Tấm đan BTCT (1,5*5,5*0,1)	m <sup>3</sup>	0,8	696.850	574.901	
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (11*0,5)	m <sup>2</sup>	5,5	63.800	350.900	
7	Cầu kiện sắt thép (0,5*1,5)	m <sup>2</sup>	0,8	41.250	30.938	
8	Bóc tách mương nước				-	
	Nền BT đá dăm dày 10 cm (0,6*7)	m <sup>2</sup>	4,2	41.800	175.560	
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (15*0,5)	m <sup>2</sup>	7,5	63.800	478.500	
9	Tường xây gạch bi tường 12 cm (3*1,2)	m <sup>2</sup>	3,6	63.800	229.680	
<b>c</b>	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				<b>9.588.000</b>	
1	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	20,0	360.000	7.200.000	
2	Cây bưởi trồng cảnh năm thứ 3	Cây	7,0	204.000	1.428.000	
3	Cây chanh trồng hạt năm thứ 4	Cây	5,0	192.000	960.000	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>64.143.200</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	433,4	148.000	64.143.200	

